

Thử xác định đối tượng cho chính sách kích cầu ở Việt Nam - cách tiếp cận phân tích bảng cân đối liên ngành liên vùng

TS. Nguyễn Đức Thành*, CN. Bùi Trinh

*Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR), Trường Đại học Kinh tế,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 4 năm 2009

Tóm tắt. Nghiên cứu này sử dụng mô hình bảng cân đối liên ngành liên vùng (27 ngành và 8 vùng) nhằm ước lượng hiệu ứng lan toả của các đối tượng kinh tế khác nhau khi tiếp nhận gói kích cầu. Kết quả tính toán cho thấy xét theo khía cạnh thành phần của tổng cầu, hiệu ứng lan toả biến đổi theo thời gian. Trước đây, đầu tư là đối tượng đem lại hiệu ứng lan toả lớn, nhưng nó đã liên tục giảm. Gần đây, tiêu dùng đang dần vươn lên trở thành yếu tố có hiệu ứng lan toả lớn nhất, trong đó tiêu dùng nông thôn lại có hiệu ứng lan toả mạnh hơn tương đối so với tiêu dùng thành thị. Xét về vùng, thì trong 8 vùng lớn của cả nước, kích thích vào khu vực Đông Nam Bộ và Đông Bắc Bộ sẽ đem lại hiệu quả nhiều hơn. Xét trong các ngành sản xuất và dịch vụ của nền kinh tế, ngành chế biến lương thực thực phẩm có chỉ số lan toả lớn nhất, tiếp đó là ngành công nghiệp chế biến hàng hoá tiêu dùng và công nghiệp chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất có cả chỉ số lan toả và độ nhạy cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Như vậy, đây dường như là 3 ngành nên được chú trọng kích thích hơn cả, nếu mục tiêu là thúc đẩy tăng trưởng tế.

1. Giới thiệu

Cuộc khủng hoảng tài chính ở Mỹ đã dẫn tới khủng hoảng kinh tế ở nước này, kéo theo phản ứng dây chuyền lên toàn bộ nền kinh tế của các nước công nghiệp phát triển. Kết quả là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, bị ảnh hưởng tiêu cực theo nhiều khía cạnh. Cộng thêm những khó khăn kinh tế đã tích tụ trong hai năm 2007 và 2008, nền kinh tế Việt Nam đang hướng tới một cuộc suy thoái, mà biểu hiện là tăng trưởng kinh tế chậm lại, khu vực doanh nghiệp đình đốn và thất nghiệp có khuynh hướng gia tăng.

Ngày 2/12/2008, Chính phủ Việt Nam công bố ý tưởng về một gói kích cầu trị giá 1 tỷ

USD. Tiếp đó, có nhiều thông tin cho rằng giá trị của gói kích cầu có thể tăng lên tới 6 tỷ USD (hơn 100.000 tỷ VNĐ). Cho đến nay, cơ sở kinh tế cho con số kích thích dường như chưa được phân tích rõ ràng. Thêm vào đó, việc tìm kiếm mục tiêu của gói kích thích vào nền kinh tế đã làm khơi dậy những cuộc thảo luận chính sách sôi nổi, đồng thời khuấy động những đề xuất phong phú và các cuộc vận động khẩn trương từ các nhóm lợi ích khác nhau.

Để góp phần vào cuộc thảo luận chung, trong nghiên cứu này chúng tôi nỗ lực hướng tới vấn đề mà chúng tôi coi là quan trọng trong bối cảnh hiện nay, đó là góp phần xác định đối tượng của chính sách kích cầu nhằm đem lại hiệu quả kích thích cao nhất. Để thực hiện điều này, bài nghiên cứu sử dụng một mô hình bảng cân đối liên ngành liên vùng cho Việt Nam nhằm nỗ lực xác định đối

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37547506 (704)
E-mail: nguyen.ducthanh@cepr.vn



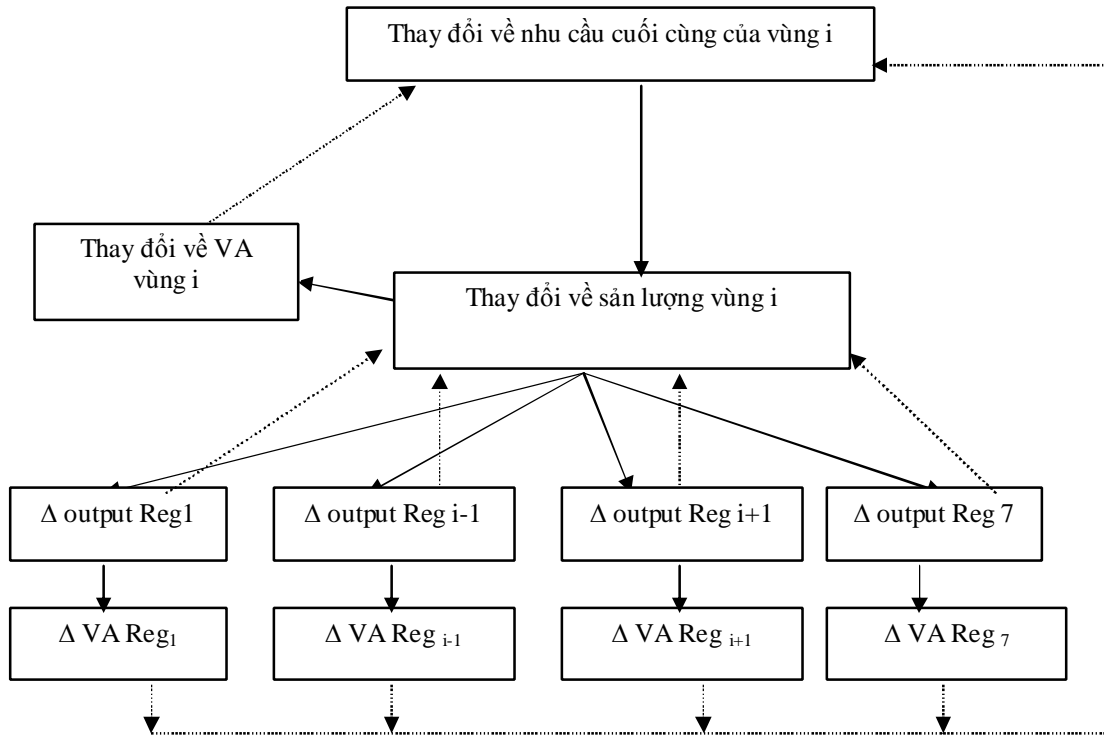
tương tiếp nhận gói kích cầu có hiệu quả cao nhất theo ba khía cạnh: thành phần của cầu cuối cùng, ngành kinh tế và vùng kinh tế.

2. Hiệu quả của chính sách kích cầu theo các thành phần của nền kinh tế

Phương pháp phân tích bảng cân đối liên ngành liên vùng

Phần này sử dụng mô hình nhân khẩu - kinh tế (mở rộng từ bảng I-O 2005) được lập bởi nhóm tư vấn chính sách - Bộ Tài chính và mô hình I-O liên vùng 2005 được lập bởi một nhóm nghiên cứu độc lập (Bùi Trinh, Dương Mạnh Hùng, Henning) dưới sự tài trợ của Đại học Copenhagen (Đan Mạch).

Mối quan hệ kinh tế liên vùng được thể hiện trong sơ đồ sau:



Sơ đồ 1. Cấu trúc của mô hình I-O liên vùng.

Mô hình này là sự kết hợp giữa ý niệm về mô hình I-O liên vùng (interregional I-O table) và mô hình nhân khẩu - kinh tế⁽¹⁾ và được biểu diễn dưới dạng ma trận như sau:

$$\begin{bmatrix} A & c_1 & g_1 & 0 \\ h & 0 & g_2 & e_1 \\ g & c_2 & 0 & e_2 \\ e & c_3 & g_3 & e_3 \end{bmatrix} \cdot \begin{bmatrix} x_1 \\ x_2 \\ x_3 \\ x_4 \end{bmatrix} + \begin{bmatrix} f_1 \\ f_2 \\ f_3 \\ f_4 \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} x_1 \\ x_2 \\ x_3 \\ x_4 \end{bmatrix} \quad (1)$$

⁽¹⁾ Xem thêm nghiên cứu của Bùi Trinh và các cộng sự (2008).



Với: A - ma trận hệ số chi phí trực tiếp;
 x_1 là véc tơ giá trị sản xuất của các hoạt động kinh tế;
 x_2 là tổng thu nhập của các nhóm hộ gia đình;
 x_3 là tổng thu nhập của khu vực nhà nước;
 x_4 là tổng thu nhập của các loại hình doanh nghiệp;

h là ma trận (véc tơ) hệ số thu nhập từ sản xuất của các nhóm hộ gia đình, thu nhập từ sản xuất được hiểu là thu nhập của người lao động từ sản xuất chia theo loại hộ;

g là ma trận (véc tơ) hệ số về thu ngân sách từ sản xuất (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế và lệ phí khác);

e là ma trận hệ số về thu nhập từ sản xuất của các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài), thu nhập từ sản xuất ở đây được hiểu bao gồm thặng dư sản xuất và khấu hao tài sản cố định;

c_1 là ma trận hệ số tiêu dùng theo nhóm hộ gia đình tương ứng với các nhóm thu nhập;

g_1 là véc tơ hệ số tiêu dùng của nhà nước tương ứng với loại thu ngân sách;

c_2 là ma trận hệ số thể hiện phân phối lại thu nhập giữa khu vực nhà nước và khu vực hộ gia đình;

c_3 là ma trận hệ số thể hiện sự phân phối lại giữa khu vực doanh nghiệp và khu vực hộ gia đình;

g_2, g_3 thể hiện chi chuyển nhượng của nhà nước đến khu vực hộ gia đình và khu vực doanh nghiệp;

e_1, e_2, e_3 là ma trận hệ số thể hiện phân phối lại từ khu vực doanh nghiệp đến khu vực hộ gia đình, đến khu vực nhà nước và đến các loại hình doanh nghiệp khác.

Và f_1, f_2, f_3, f_4 là các biến ngoại sinh.

Ký hiệu:

$$\begin{bmatrix} A & c_1 & g_1 & 0 \\ h & 0 & g_2 & e_1 \\ g & c_2 & 0 & e_2 \\ e & c_3 & g_3 & e_3 \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} A & c \\ v & B \end{bmatrix} \quad (2)$$

Trong đó véc tơ v, c và B có thể được định nghĩa lại như sau:

$$v = \begin{bmatrix} h \\ g \\ e \end{bmatrix} \quad (3)$$

$$c = [c_1 \quad g_1 \quad 0] \quad (4)$$

$$B = \begin{bmatrix} 0 & g_2 & e_1 \\ c_2 & 0 & e_2 \\ c_3 & g_3 & e_3 \end{bmatrix} \quad (5)$$

$$x' = \begin{bmatrix} x_2 \\ x_3 \\ x_4 \end{bmatrix} \quad (6)$$

$$f' = \begin{bmatrix} f_2 \\ f_3 \\ f_4 \end{bmatrix} \quad (7)$$

Từ đó có thể viết lại quan hệ (1) dưới dạng:

$$\begin{bmatrix} A & c \\ v & B \end{bmatrix} \cdot \begin{bmatrix} x_1 \\ x' \end{bmatrix} + \begin{bmatrix} f_1 \\ f' \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} x_1 \\ x' \end{bmatrix} \quad (8)$$

Dựa trên lý thuyết về vùng của Miyazawa và phát triển mô hình nhân khẩu kinh tế của Batey and Madden (1983); quan hệ (8) được biểu diễn dưới dạng:

$$\begin{bmatrix} x_1 \\ x' \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} \Delta_1 & \Delta_1 \cdot c \cdot (I - B)^{-1} \\ \Delta_2 \cdot v \cdot (I - A)^{-1} & \Delta_2 \end{bmatrix} \cdot \begin{bmatrix} f_1 \\ f' \end{bmatrix} \quad (9)$$

Ở đây, Δ_1 được xem như ma trận mở rộng. Mỗi phần tử của ma trận Δ_1



chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp và ảnh hưởng lan tỏa bởi tiêu dùng cuối cùng của khu vực hộ gia đình và chi tiêu cho hoạt động thường xuyên của nhà nước. Các phần tử này lớn hơn những phần tử tương ứng của ma trận Leontief thông thường $(I-A)^{-1}$, bởi nó bao gồm sự đòi hỏi thêm ra của sản lượng để đáp ứng ảnh hưởng về sản lượng gây nên bởi nhu cầu tiêu dùng cuối cùng. Δ_2 được biết đến như ma trận nhân tử Keynesian mở rộng và có thể được phân rã như sau:

$$\Delta_2 = (I-(I-B)-1.v.(I-A)-1.c)^{-1} \cdot (I-B)-1 \quad (10)$$

Trong đó, $(I - B)-1$ được xem như ma trận nhân tử lan tỏa nội tại trong nội bộ quá trình phân phối lại: nếu ma trận B là ma trận chi trực tiếp của các khu vực thể chế để tạo ra một đơn vị thu nhập từ phân phối lại, thì ma trận $(I - B)-1$

Đề ý rằng phương trình (9) có thể được viết lại như sau:

$$\begin{bmatrix} x1 \\ x' \end{bmatrix} = \begin{bmatrix} \Delta_{11} & 0 \\ 0 & \Delta_{22} \end{bmatrix} \cdot \begin{bmatrix} I & (I-A)^{-1} \cdot c \\ (I-B)^{-1} \cdot v & I \end{bmatrix} \cdot \begin{bmatrix} (I-A)^{-1} & 0 \\ 0 & (I-B)^{-1} \end{bmatrix} \quad (11)$$

Ở đây: $\Delta_1 = \Delta_{11} \cdot (I-A)^{-1}$ and $\Delta_2 = \Delta_{22} \cdot (I-B)^{-1}$

Phương trình (11) giới thiệu các cấp độ của các loại ảnh hưởng, đầu tiên là ảnh hưởng của khu vực sản xuất và khu vực phân phối lại, đến ảnh hưởng của tiêu dùng cuối cùng đến sản xuất và lan tỏa về thu nhập từ sản xuất đến thu nhập ngoài sản xuất; và cuối cùng là các ảnh hưởng ngoại vi lan tỏa đến khu vực sản xuất và khu vực phân phối.

Ngoài ra mô hình này còn cho phép lượng hoá ảnh hưởng ngược từ khu vực phân phối lại đến khu vực sản xuất. Từ công thức (8), (9) và (11) quan hệ này giữa $X1$ và X' được biểu diễn như sau:

$$X' = (I-B)-1.v.X1 \quad (12)$$

$$X1 = (I-A)-1.c.X' \quad (13)$$

Phương trình (12) và (13) mô tả mối quan hệ ngược liên khu vực (giữa ngành và khu vực thể chế, giữa sản xuất và ngoài sản xuất).

1 thể hiện tổng chi phân phối lại trực tiếp để tạo ra một đơn vị thu nhập từ phân phối lại (ảnh hưởng giữa các khu vực thể chế). Yếu tố $(I - (I-B)-1.v.(I-A)-1.c)^{-1}$ thể hiện sự lan tỏa ngoại vi từ quá trình sản xuất đến quá trình phân phối lại, điều này có nghĩa thu nhập từ phân phối lại không chỉ phụ thuộc vào các quan hệ nội tại trong quá trình phân phối lại mà còn phụ thuộc vào quá trình thu nhập từ sản xuất của mỗi khu vực thể chế gây nên bởi ảnh hưởng của tiêu dùng cuối cùng.

$\Delta_1.c$ là ma trận thể hiện ảnh hưởng của sản xuất bởi tiêu dùng cuối cùng.

$v.(I-A)^{-1}$ là ma trận thu nhập nhận được từ sản xuất.

Kết quả tính toán

Xem xét ảnh hưởng về kích cầu trong thành phần tổng cầu⁽²⁾

Về nguyên tắc mỗi bảng I-O đại diện cho một giai đoạn, bảng I-O 1989 đại diện giai đoạn 1987-1992, bảng 1996 đại diện giai đoạn 1993-1998, bảng 2000 đại diện giai đoạn 1999-2004, bảng 2005 đại diện giai đoạn 2005-2008. Bảng 1 cho thấy trong những giai đoạn trước kích cầu vào đầu tư có ảnh hưởng nhất đến nền kinh tế, nhưng trong giai đoạn này kích cầu vào tiêu dùng khu vực nông thôn dẫn đến kích thích sản xuất của nền kinh tế nhiều nhất, tiêu dùng ở khu vực này một đồng sẽ kích thích sản xuất 1,622 đồng, trong khi kích cầu vào đầu tư 1 đồng chỉ kích thích sản xuất 1,435 đồng và kích cầu vào tiêu dùng của khu vực thành thị chỉ là 1,400 đồng. Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn hiện nay kích cầu vào tiêu dùng khu vực nông thôn sẽ đem lại hiệu ứng lan tỏa cao nhất.

⁽²⁾ Phần này sử dụng nhiều kết quả từ nghiên cứu Trinh và cộng sự (2007).



Bảng 1. Ảnh hưởng của kích cầu đối với các nhân tố

Giai đoạn	Tiêu dùng nông thôn	Tiêu dùng thành thị	Đầu tư	Xuất khẩu
1987-1992	1,388	--	1,588	1,464
1993-1998	1,508	--	1,649	1,533
1999-2004	1,553	--	1,653	1,526
2005-2008	1,622	1,400	1,435	1,505

Xem xét ảnh hưởng về kích cầu theo ngành kinh tế

Bảng 2 chỉ ra, trong cả thời kỳ 20 năm sau đổi mới ngành chế biến lương thực thực phẩm (5) có chỉ số lan toả lớn nhất, điều này có nghĩa khi ngành này phát triển sẽ kích thích nền kinh tế mạnh nhất; ngoài ra ngành công nghiệp chế biến hàng hoá tiêu dùng (6) và công nghiệp chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất (7) có cả chỉ số lan toả và độ nhạy cao hơn mức bình

quân chung của cả nước. Như vậy, khi 3 ngành này phát triển sẽ kích thích sản xuất của toàn nền kinh tế. Ngoài ra, trong tất cả các thời kỳ, độ nhạy của nhóm ngành nông nghiệp là cao và ấn tượng, cùng với chỉ số lan toả cao của nhóm ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp (5) nói lên mức độ quan trọng của nông nghiệp đối với nền kinh tế Việt Nam.

Bảng 2. Chỉ số lan toả và độ nhạy

Số TT	Tên ngành	1989 (1987-1992)		1996 (1993-1998)		2000 (1999-2004)		2005 (2005-2008)	
		BL	FL	BL	FL	BL	FL	BL	FL
1	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	0.955	1.291	0.867	1.278	0.932	1.279	0.956	1.209
2	Thủy sản	0.913	0.854	0.890	0.846	0.903	0.824	0.965	0.897
3	Lâm nghiệp	0.876	0.853	0.828	0.873	0.842	0.815	0.823	0.823
4	Quặng và khai khoáng	1.013	0.924	1.019	0.971	0.906	0.832	0.900	0.831
5	Thực ăn, đồ uống và hàng công nghiệp	1.310	1.128	1.325	0.843	1.443	0.888	1.401	0.988
6	Hàng tiêu dùng khác	1.124	1.245	1.176	1.322	1.208	1.257	1.172	1.345
7	Nguyên liệu công nghiệp	1.168	1.430	1.156	1.372	1.148	1.644	1.074	1.498
8	Hàng tư bản	0.922	1.014	0.990	0.984	1.042	1.048	1.095	1.295
9	Điện, nước và khí đốt	0.993	1.074	1.030	1.145	0.816	0.994	0.827	1.055
10	Xây dựng	1.172	0.804	1.175	0.768	1.179	0.777	1.092	0.875
11	Thương mại bán buôn và bán lẻ	0.918	1.144	0.863	1.095	1.012	1.256	1.000	0.917
12	Giao thông vận tải	0.932	0.860	0.911	0.928	0.903	0.779	0.940	0.848
13	Bưu chính viễn thông	0.836	0.737	0.995	0.895	0.840	0.845	0.875	0.839
14	Dịch vụ tài chính, bảo hiểm và bất động sản	1.000	0.892	0.881	0.832	0.943	0.871	0.940	0.994
15	Các dịch khác	0.874	0.975	0.936	1.065	0.957	1.132	0.995	0.815
16	Hoạt động của chính phủ	0.995	0.774	0.959	0.784	0.927	0.760	0.945	0.771

Xem xét ảnh hưởng về kích cầu theo vùng

Trong nghiên cứu của Miyazawa về vùng, ông đã tìm thấy và phân biệt các nhân tử của Leontief để phân tích về ảnh hưởng qua lại giữa

các vùng trong một nền kinh tế. Giả sử nền kinh tế được chia thành 2 vùng, ông đã chi Leontief thành các phần như sau:



$$(I - A)^{-1} = \begin{pmatrix} \Delta_{11} B_1 & \Delta_{11} P_1 B_2 \\ \Delta_{22} P_2 B_1 & \Delta_{22} B_2 \end{pmatrix} = \begin{pmatrix} \Delta_{11} & 0 \\ 0 & \Delta_{22} \end{pmatrix} \cdot \begin{pmatrix} I & P_1 \\ P_2 & I \end{pmatrix} \cdot \begin{pmatrix} B_1 & 0 \\ 0 & B_2 \end{pmatrix} \quad (14)$$

Quan hệ (14) bao gồm 3 ma trận thể hiện các quan hệ cơ bản của các vùng và nội vùng, được định nghĩa như sau:

$B_1 = (I - A_{11})^{-1}$: Ma trận nhân tử nội tại của vùng 1 (Internal matrix multiplier for the first region).

$B_2 = (I - A_{22})^{-1}$: Ma trận nhân tử của vùng 2 (Internal matrix multiplier for the second region)

$P_1 = (I - A_{11})^{-1} A_{12}$: Ma trận nhân tử liên vùng của vùng 1 (push/pull matrix multiplier

$P_2 = (I - A_{22})^{-1} A_{21}$: Ma trận nhân tử liên vùng của vùng 2 (push/pull matrix multiplier)

$\Delta_{11} = (I - P_1 P_2)^{-1}$: Ma trận nhân tử ngoại sinh của vùng 1 (external matrix multiplier of the first region).

$\Delta_{22} = (I - P_2 P_1)^{-1}$: Ma trận nhân tử ngoại sinh của vùng 2 (external matrix multiplier of the second region)

Nghiên cứu này sử dụng bảng I-O liên 8 vùng và 27 ngành của Việt Nam 2005. Mô hình I-O liên vùng tiến xa hơn các mô hình I-O giản đơn; nếu trong mô hình I-O giản đơn giả thiết chỉ có các yếu tố sử dụng cuối cùng (tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu) ảnh hưởng đến sản xuất, thì trong mô hình I-O liên vùng không chỉ các yếu tố sử dụng cuối cùng của một vùng nào đó ảnh hưởng đến kinh tế vùng mà còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố sử dụng cuối cùng và sản xuất của vùng khác. Điều này phù hợp với logic kinh tế, khi sử dụng cuối cùng của một vùng nào đó thay đổi dẫn đến thay đổi về sản lượng của vùng đó và dẫn đến kích thích sự thay đổi của vùng khác do quá trình sản xuất của vùng này sử dụng kết quả sản xuất của vùng khác làm chi phí đầu vào.

Ảnh hưởng này bao gồm ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp và ảnh hưởng lan toả; ảnh hưởng lan toả được hiểu khi sử dụng cuối cùng của mỗi vùng thay đổi dẫn đến sản xuất của vùng đó thay đổi, từ đó lan toả đến quá trình sản xuất của vùng khác khi sử dụng kết quả sản xuất của vùng kia trong quá trình sản xuất.

Phụ lục 2 cho thấy trong cả 8 vùng nhóm ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp và chế biến thủy sản có chỉ số lan toả lớn nhất, điều đó có nghĩa khi nhóm ngành tăng sẽ kích thích nhiều nhất đến toàn nền kinh tế; ngoài ra có thể thấy vùng Đông Nam Bộ là vùng với nhiều nhóm ngành có chỉ số lan toả lớn nhất, tiếp đến là Đông Bắc Bộ và Tây Bắc. Về mặt vùng có thể kết luận Đông Nam Bộ và Đông Bắc Bộ khi phát triển sẽ kích thích toàn bộ nền kinh tế quốc gia.

Kết quả tính toán này hoàn toàn phù hợp với thực tế là vùng Đông Nam Bộ và Đông Bắc Bộ là những vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, có mối liên hệ kinh tế sâu rộng với các vùng khác. Do đó, một thay đổi ở những vùng này sẽ ảnh hưởng nhiều đến các vùng khác hơn cả. Trong một số thảo luận trước (ví dụ, Nguyễn Đức Thành (2008), chúng tôi cũng cho rằng vì mục tiêu ngắn hạn, việc kích thích kinh tế nên hướng thẳng tới các khu vực kinh tế lớn. Điều này hoàn toàn khác với các mục tiêu kinh tế dài hạn, mang tính phát triển lâu dài hoặc vì mục đích thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, thì lại cần hướng tới các vùng sâu vùng xa, có nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế.

3. Một số nhận xét kết luận

Tính toán trong nghiên cứu này cho thấy đối tượng kích cầu hiệu quả xét theo khía cạnh tổng cầu có sự biến đổi theo thời gian. Trước đây, đầu tư là đối tượng đem lại hiệu ứng lan toả lớn, nhưng đã liên tục giảm và trong những năm gần đây, tiêu dùng đã vươn lên



thành phần có hiệu ứng lan toả lớn nhất, trong đó tiêu dùng nông thôn lại có hiệu ứng lan toả mạnh tương đối hơn so với tiêu dùng thành thị.

Xét về vùng, thì trong 8 vùng lớn của cả nước, kích thích vào khu vực Đông Nam Bộ và Đông Bắc Bộ sẽ đem lại hiệu quả nhiều hơn.

Xét trong các ngành sản xuất và dịch vụ của nền kinh tế, thì ngành chế biến lương thực, thực phẩm có chỉ số lan toả lớn nhất, điều này có nghĩa khi ngành này phát triển sẽ kích thích nền kinh tế mạnh nhất; ngoài ra ngành công nghiệp chế biến hàng hoá tiêu dùng và công nghiệp chế

biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất có cả chỉ số lan toả và độ nhạy cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Như vậy, đây dường như là 3 ngành nên được chú trọng kích thích hơn cả, nếu mục tiêu là thúc đẩy tăng trưởng tế.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng việc sử dụng gói kích thích chỉ là một phần trong các công cụ chống suy thoái. Nếu quá chú trọng đến công cụ này, có thể làm lu mờ tầm quan trọng của các công cụ và lĩnh vực khác trong nền kinh tế đang rất cần có sự thay đổi và cải cách.

Phụ lục 1. Danh sách 8 vùng và 27 ngành

8 Vùng bao gồm		27 ngành bao gồm	
STT	Vùng	STT	Vùng
1	Đông bằng sông Hồng	1	Thóc
2	Đông Bắc	2	Trồng trọt khác
3	Tây Bắc	3	Chăn nuôi
4	Bắc Trung Bộ	4	Lâm nghiệp
5	Nam Trung Bộ	5	Nuôi trồng thủy sản
6	Tây Nguyên	6	Đánh bắt thủy sản
7	Đông Nam Bộ	7	Năng lượng
8	Tây Nam Bộ	8	Khai thác khác
		9	Chế biến thủy sản
		10	Xay xát gạo
		11	Chế biến sản phẩm nông nghiệp khác
		12	Dệt, may
		13	Giấy
		14	Chế biến gỗ
		15	Cao su
		16	Sản phẩm phi kim loại
		17	Phương tiện vận tải
		18	Sản phẩm kim loại
		19	Công nghiệp chế biến khác
		20	Xây dựng
		21	Vận tải
		22	Bưu chính viễn thông
		23	Thương mại
		24	Dịch vụ tài chính
		25	Quản lý nhà nước
		26	Khách sạn nhà hàng
		27	Dịch vụ



Phụ lục 2. Mức độ lan toả theo ngành của 8 vùng

	1		2		3		4		5		6		7		8	
	OM	BL	OM	BL	OM	BL	OM	BL	OM	BL	OM	BL	OM	BL	OM	BL
1	1.280	0.836	1.272	0.831	1.252	0.818	1.230	0.804	1.198	0.783	1.249	0.816	1.356	0.886	1.202	0.785
2	1.124	0.734	1.121	0.733	1.086	0.710	1.095	0.715	1.100	0.719	1.128	0.737	1.180	0.771	1.077	0.703
3	1.424	0.930	1.379	0.901	1.361	0.889	1.301	0.850	1.303	0.851	1.339	0.875	1.523	0.995	1.326	0.866
4	1.185	0.774	1.152	0.752	1.128	0.737	1.053	0.688	1.186	0.775	1.124	0.735	1.382	0.903	1.111	0.726
5	1.418	0.927	1.382	0.903	1.438	0.940	1.360	0.889	1.368	0.894	1.395	0.911	1.469	0.960	1.395	0.911
6	1.308	0.855	1.335	0.873	1.210	0.791	1.225	0.800	1.240	0.810	1.196	0.782	1.490	0.973	1.111	0.726
7	1.271	0.830	1.275	0.833	1.171	0.765	1.108	0.724	1.044	0.682	1.062	0.694	1.282	0.837	1.166	0.762
8	1.259	0.822	1.515	0.990	1.287	0.841	1.293	0.845	1.207	0.789	1.228	0.802	1.394	0.911	1.158	0.756
9	1.801	1.177	2.051	1.340	1.963	1.282	1.940	1.268	2.035	1.330	1.791	1.170	2.051	1.340	1.971	1.288
10	2.138	1.397	2.115	1.382	2.090	1.366	2.060	1.346	2.016	1.317	2.048	1.338	2.135	1.395	2.062	1.347
11	1.725	1.127	1.615	1.055	1.504	0.983	1.505	0.983	1.562	1.021	1.474	0.963	1.814	1.185	1.573	1.028
12	1.277	0.834	1.275	0.833	1.867	1.355	0.886	1.247	0.814	1.453	0.949	1.812	1.184	1.144	0.747
13	1.686	1.101	1.556	1.016	1.471	0.961	1.424	0.931	1.669	1.090	1.318	0.861	1.831	1.196	1.441	0.942
14	1.669	1.090	1.717	1.122	1.495	0.976	1.526	0.997	1.499	0.979	1.567	1.024	1.756	1.147	1.440	0.941
15	1.518	0.992	1.408	0.920	1.615	1.209	0.790	1.391	0.909	1.356	0.886	1.713	1.119	1.208	0.789
16	1.308	0.855	1.268	0.829	1.206	0.788	1.231	0.804	1.244	0.813	1.159	0.757	1.417	0.926	1.150	0.752
17	1.487	0.972	1.560	1.019	1.305	0.853	1.294	0.845	1.512	0.988	1.416	0.925	1.952	1.275	1.127	0.736
18	1.464	0.956	1.474	0.963	1.264	0.826	1.236	0.808	1.294	0.845	1.271	0.830	1.751	1.144	1.157	0.756
19	1.509	0.986	1.466	0.958	1.236	0.808	1.205	0.788	1.248	0.815	1.243	0.812	1.782	1.164	1.125	0.735
20	1.433	0.936	1.371	0.895	1.241	0.811	1.202	0.785	1.196	0.781	1.185	0.774	1.599	1.045	1.131	0.739
21	1.439	0.940	1.386	0.906	1.269	0.829	1.247	0.815	1.261	0.824	1.268	0.829	1.514	0.989	1.198	0.783
22	1.213	0.792	1.189	0.777	1.160	0.758	1.132	0.740	1.129	0.738	1.124	0.735	1.262	0.825	1.124	0.735
23	1.290	0.843	1.354	0.885	1.268	0.828	1.265	0.826	1.297	0.847	1.324	0.865	1.506	0.984	1.191	0.778
24	1.358	0.887	1.345	0.879	1.301	0.850	1.212	0.792	1.187	0.775	1.199	0.783	1.306	0.854	1.210	0.791
25	1.358	0.887	1.401	0.916	1.363	0.890	1.332	0.870	1.362	0.890	1.327	0.867	1.512	0.988	1.317	0.860
26	1.500	0.980	1.552	1.014	1.472	0.962	1.369	0.894	1.396	0.912	1.328	0.868	1.504	0.983	1.408	0.920
27	1.289	0.842	1.271	0.830	1.221	0.798	1.205	0.787	1.217	0.795	1.170	0.764	1.38	0.9	1.166	0.762

OM: Nhân tử sản xuất thể hiện tổng ảnh hưởng khi thay đổi 1 đơn vị sử dụng cuối cùng của một vùng

BL: Chỉ số lan toả hay liên kết ngược của nền kinh tế

Tài liệu tham khảo

- [1] ADB (2008), Key Indicators of Developing Asia and Pacific Countries, Asian Development Bank.
- [2] Bui Trinh, Dương Mạnh Hùng (2008), "Compilation of a multi-inter-regional input-output framework for the Vietnam economy," Depocen Working Paper series, No. 31.
- [3] Bui Trinh, Nguyễn Đức Thành, Francesco T. Scretario and Kwang Moon Kim (2008), "Economy-wide multipliers based on IRDE model," Depocen Working Paper Series, No. 30.
- [4] Bui Trinh, Lê Hà Thanh, Nguyễn Mạnh Toàn, và Lê Văn Chon (2007), "Analyzing the Relationship between Income Groups and Final Demand Based on Extended Input-Output Framework," Vietnam's Socio-Economic Development, No. 49, tr. 66-77.
- [5] Leontief W. (1941), The Structure of the American Economy, Oxford University Press New York.
- [6] Miyazawa, K. (1966), "Internal and External Matrix Multipliers in the Input-Output Model," Hitotsubashi Journal of Economics 7 (1) pp. 38-55.
- [7] Miyazawa, K. (1976), Input-Output Analysis and the Structure of Income Distribution, Lecture Notes in Economics and Mathematical Systems, Heidelberg, Springer-Verlag.
- [8] Nguyễn Đức Thành (2008), "Kích cầu vào đâu?" Sài Gòn Tiếp thị, ngày 28/11/2008.
- [9] Stone, R. and Stone, G. (1961), Nation and Expenditure, Bowes and Bowes, Lc



An attempt to identify targets for the fiscal stimulus packages in Vietnam - An interregional input - output table analysis

Dr. Nguyen Duc Thanh, BA. Bui Trinh

*Centre for Economics and Policy Research (CEPR), College of Economics,
Vietnam National University, Hanoi, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

This study employs an interregional input-output table model (27 industries and 8 regions) to analyze the multiplier effects of different economic sectors in the Vietnam's economy upon receiving fiscal stimulus packages. The results show that the multiplier effects of aggregate demand's basic elements change over time. In the past, investment used to be the element which had the highest multiplier effects in terms of value. However, its value has been decreasing, and recently consumption is becoming the element with highest multiplier in which the multiplier effects of rural consumption is higher than that of urban consumption. Geographically, South East and South North regions have higher multipliers. In terms of manufacturing and service sectors, the food processing industry has the highest multiplier. The following are the consumable good-processing sector and the material manufacturing for intermediate consumption, which have higher backward and forward linkage indexes than average. Therefore, the three industries need to be considered for fiscal stimulus more than any other sectors if the overall target is to enhance the economic growth.

